

Bản tin chứng khoán

Trong số này

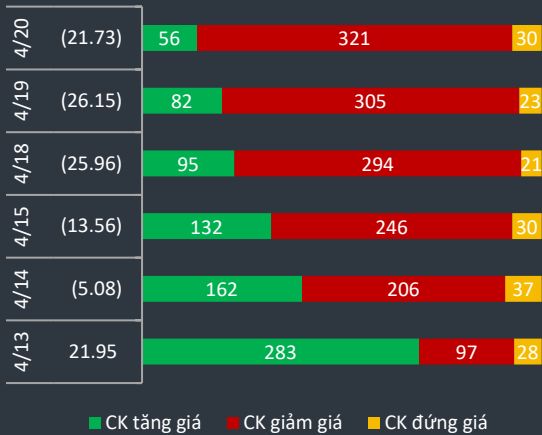
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

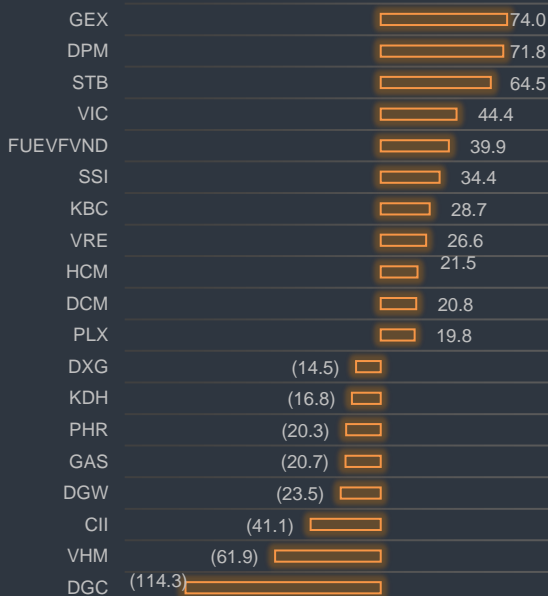
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



FPT: Quý I, tập đoàn ghi nhận 9.730 tỷ đồng doanh thu và 1.779 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, lần lượt tăng trưởng 28,3% và 27,4% so với cùng kỳ năm ngoái, với động lực chính tới từ mảng công nghệ và viễn thông.

Khối công nghệ (bao gồm dịch vụ CNTT trong nước và dịch vụ CNTT tại nước ngoài) mang về 5.593 tỷ đồng doanh thu và 770 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng trưởng lần lượt 34,6% và 39,2% so với cùng kỳ năm trước. Mảng công nghệ hiện đóng góp 57% doanh thu và 43% lợi nhuận trước thuế, giữ vững vị thế mảng kinh doanh chủ lực của tập đoàn. Trong ba tháng đầu năm, FPT ghi nhận 7 dự án lớn với quy mô trên 5 triệu USD/dự án, tăng 75% so với cùng kỳ năm trước.

Quý I, mảng viễn thông ghi nhận 3.471 tỷ đồng doanh thu, tăng 18,7% và 701 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận từ truyền hình trả tiền tiếp tục gia tăng, góp phần cải thiện biên lợi nhuận của mảng dịch vụ viễn thông từ 18,7% lên 19,1%.

Năm 2022, tập đoàn lên kế hoạch kế hoạch 42.420 tỷ đồng doanh thu và 7.618 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Như vậy, sau một quý, FPT đã thực hiện được gần 23% mục tiêu doanh thu và hơn 23% chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế của năm.

DGC: CTCP Hóa chất Đức Giang (Mã: DGC) vừa báo cáo kinh doanh Q1 đạt 3.634 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 86% so với cùng kỳ năm 2021. Giá vốn hàng bán tăng 27%, đạt 1.928 tỷ đồng quý I năm 2022.

Doanh thu tài chính tăng 2,6 lần kỳ này đạt 84 tỷ đồng do tăng lãi tiền gửi có kỳ hạn và tăng lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong khi chi phí tài chính tăng không đáng kể. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.506 tỷ đồng, gấp 5,2 lần so với lợi nhuận quý I năm 2021.

Như vậy, Hóa chất Đức Giag đã hoàn thành 30% kế hoạch doanh thu và 43% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2022.

Vnindex 1384.72

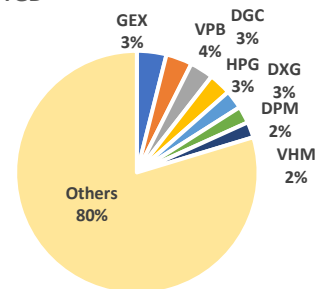
▼ -21.73 (-1.55%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
MSN	124.3	3.8	3.15
SAB	172.0	3.1	1.84
HVN	22.6	0.3	1.12
PDR	63.5	0.6	0.95
VCB	78.4	0.7	0.90
ACB	31.9	0.3	0.79
MBB	29.5	0.2	0.68
VIC	79.3	0.5	0.63
PLX	51.3	0.3	0.59
SSI	35.2	0.2	0.57
STB	27.6	0.1	0.18
BID	38.0	-	-
MWG	156.0	-	-
FPT	112.0	-	-
PNJ	118.9	-	-
CTG	28.7	(0.1)	(0.17)
HPG	43.2	(0.1)	(0.23)
DHG	101.6	(0.4)	(0.39)
VNM	75.6	(0.4)	(0.53)
HDB	25.8	(0.2)	(0.58)
VRE	30.7	(0.2)	(0.65)
NVL	81.4	(0.6)	(0.73)
VJC	142.0	(1.1)	(0.77)
TCB	43.1	(0.7)	(1.49)
VPB	35.2	(0.6)	(1.68)
TPB	35.5	(0.7)	(1.93)
BVH	64.0	(1.7)	(2.59)
VIB	41.4	(1.2)	(2.71)
VHM	66.8	(2.1)	(3.05)
POW	13.1	(0.5)	(3.33)
BCM	76.5	(3.4)	(4.26)
REE	80.0	(4.6)	(5.44)
GAS	106.6	(7.3)	(6.41)
GVR	32.6	(2.5)	(7.00)



GTGD



Thị trường hôm nay có kịch bản khá giống hôm qua khi kéo xanh nhẹ đầu phiên sau đó đè bán mạnh trong 30 phút giao dịch cuối ngày, đặc biệt là phiên ATC. Áp lực giải chấp đã được kích hoạt ở nhiều công ty chứng khoán dẫn đến việc gia tăng bán xử lý tài khoản trong 2 phiên gần đây. Như vậy chỉ sau 5 phiên, thị trường đã mất 90 điểm và lùi sâu xuống dưới ngưỡng 1384. Chúng tôi nhận thấy lịch sử đang lặp lại như hồi tháng 7.2021 khi ở thời điểm đó chỉ số Vnindex cũng rơi hơn 150 điểm từ 1420 về 1250. Mức điều chỉnh 10% là đủ để tạo một vùng đáy để cổ phiếu nhiều cổ phiếu có mặt bằng giá hấp dẫn hơn như nhóm chứng khoán, ngân hàng, bất động sản.

Nhà đầu tư vẫn ưu tiên hạn chế margin tối đa và đã có thể tích lũy dần cổ phiếu, ưu tiên nhóm cổ phiếu có nền tảng cơ bản và tăng trưởng kinh doanh Q1. Chúng tôi vẫn ưu tiên nắm giữ nhóm cổ phiếu hóa chất, dệt may, logistics, bán lẻ, phân bón, chứng khoán và một số cổ phiếu ngân hàng.

Cổ phiếu đang xu hướng tăng: DGC, CSV, DPM, FRT, DGW, MWG, FPT, STK, TNG, TCM, VHC, HAH, DPR, BVH, GMD, VSC, PNJ.

Cổ phiếu đang chạm các vùng hỗ trợ mạnh: VCB, MBB, OCB, VCI, VND, FTS, GVR, MSN, KDH, HDG, DIG.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VCI	43.5	(18.5)	38	60	Chờ mua quanh 38-40	4/20/2022	0.0%
VND	30.3	(8.2)	25	40	Chờ mua quanh 27-30	4/20/2022	0.0%
HDB	25.8	(7.4)	27	37	Chờ mua thêm quanh 20-23	3/31/2022	-9.6%
VPB	35.2	(9.7)	35	45	Chờ mua thêm quanh 30-32	2/25/2022	-6.6%
TCM	75.0	4.2	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	11.9%
HPG	43.2	(4.2)	40	60	Nằm giữ	2/8/2022	-4.0%
FTS	50.0	(12.6)	50	60	Mua mới quanh 50-52. Mục tiêu 70	2/7/2022	-2.0%
TNG	38.0	3.0	24	45	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 45	2/7/2022	31.0%
DPM	70.0	2.9	35	77	Lưu ý kháng cự 75-78. Có thể chốt lời dần	2/7/2022	66.7%
GVR	32.6	(1.4)	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	1.7%
REE	80.0	1.1	60	90	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	23.1%
NLG	49.5	(3.5)	53	65	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	-6.6%
OCB	23.2	(7.9)	24	35	Mua thêm quanh 22-24	1/13/2022	-7.2%
TCB	45.0	(10.3)	40	65	Bán - cắt lỗ	1/13/2022	-10.0%
STK	62.4	6.1	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	17.7%
VIB	41.4	(6.4)	40	60	Nằm giữ	1/4/2022	-12.0%
MBB	29.5	(8.5)	25	35	Nằm giữ, mục tiêu 37	1/4/2022	1.7%
MWG	156.0	2.2	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	15.6%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Bao bì	1.21
Điện	(1.13)
Nước	(1.41)
Truyền thông	(1.47)
Thực phẩm và đồ...	(1.65)
Y tế	(1.92)
Vật liệu xây dựng	(1.96)
Ngân hàng	(1.98)
Bảo hiểm	(2.15)
Viễn thông	(2.34)
Thủy sản	(2.35)
Vận tải - Logistics	(2.40)
Tài nguyên Cơ bản	(2.50)
Công nghệ Thông tin	(2.56)
Hàng & Dịch vụ...	(2.72)
Khoáng sản	(2.94)
Đệt May	(3.07)
Hàng cá nhân & Gia...	(3.10)
Ô tô và phụ tùng	(3.62)
Du lịch và Giải trí	(3.76)
Bán lẻ	(3.80)
Sản xuất và KD Thép	(3.89)
Bất động sản	(3.94)
Bất động sản KCN	(3.94)
Xây dựng	(4.01)
Dịch vụ tài chính	(4.54)
Hóa chất	(4.88)
Phân bón	(5.52)
Dầu kh	(5.71)
Cao su	(5.71)

NLG - Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long - Sẽ trình ĐHCĐ thường niên kế hoạch kinh doanh năm 2022 với doanh thu thuần 7.151 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 1.526 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ là 1.206 tỷ đồng tương ứng tăng trưởng 37%, 3% và 13% so với thực hiện năm trước. Cổ tức dự kiến năm 2022 là 10%.

HAX - Công ty cổ phần Dịch vụ ô tô Hàng Xanh - Trong quý I/2022, công ty ghi nhận doanh thu tăng 15,7% so với cùng kỳ lên 1.661,3 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm 2,4% so với cùng kỳ về chỉ còn 54,21 tỷ đồng.

SZC - CTCP Sonadezi Châu Đức - Trong quý I/2022, SZC ghi nhận doanh thu đạt 277,35 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 75,31 tỷ đồng, lần lượt tăng 55,6% và giảm 5,3% so với cùng kỳ năm trước.

TLH - CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên - Quý I/2022, Công ty ghi nhận doanh thu đạt 1.795,73 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 86,35 tỷ đồng, lần lượt tăng 83,4% và giảm 28,1% so với cùng kỳ năm trước.

LAS - CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao - Công bố BCTC quý I với doanh thu tăng 39% lên 1.054 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng 26% lên 31 tỷ đồng.

FMC - CTCP Thực phẩm Sao Ta - Ngày 09/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 10/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 26/5/2022.

TNT - CTCP Tập đoàn TNT – Đã thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ 2,75 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Boskalis Việt Nam. Thời gian thực hiện chậm nhất là 31/5/2022.

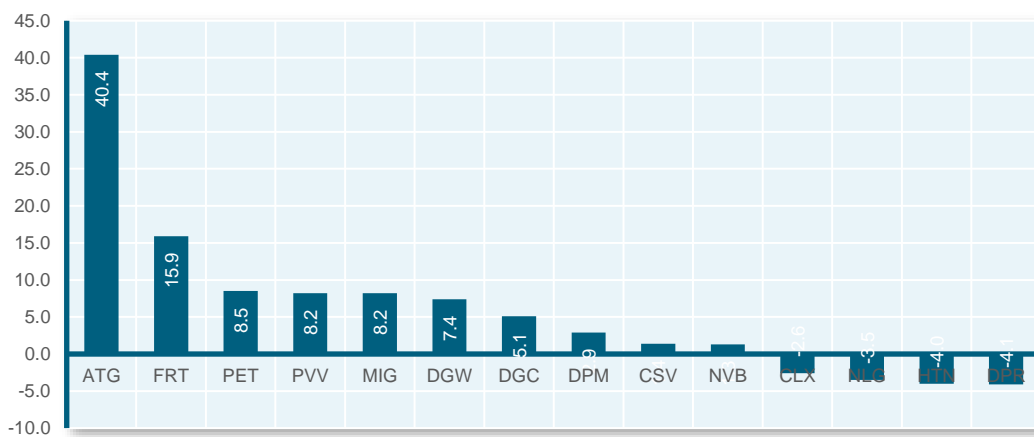
HAI - CTCP Nông dược HAI - Thông báo, đã nhận được đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của bà Nguyễn Bình Phương và đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của ông Doãn Việt Hoàng vì lý do cá nhân.

FLC & ROS - Ngày 19/4, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định đưa cổ phiếu của CTCP Tập đoàn FLC (FLC) và CTCP FLC Faros (ROS) vào diện cảnh báo kể từ ngày 26/4/2022. Nguyên nhân do, cả hai công ty chậm nộp báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét quá hạn so với quy định.

CSV - CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam - Ngày 19/4 đã nhận được đơn từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của ông Lê Hoàng.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	% so với đầu năm	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	31.9	-7.3%	4,490,500	8.2	1.9	-	-	3,900	16,618
BID	HOSE	38.0	1.5%	1,458,300	14.5	2.2	215,000	156,800	2,623	17,073
CTG	HOSE	28.7	-17.5%	4,259,300	8.6	1.5	565,900	350,900	3,338	19,488
EIB	HOSE	31.3	-7.7%	227,200	39.9	2.2	-	6,700	785	14,466
HDB	HOSE	25.8	-17.2%	3,150,300	7.4	1.7	620,000	530,500	3,497	15,455
LPB	HOSE	16.1	-20.9%	9,014,600	6.3	1.1	300,100	21,800	2,543	13,960
MBB	HOSE	29.5	1.4%	13,037,400	7.6	1.8	-	20,700	3,904	16,538
MSB	HOSE	23.0	-19.0%	3,056,600	7.0	1.6	-	-	3,292	14,427
OCB	HOSE	23.2	-17.1%	2,356,400	6.4	1.5	7,200	160,300	3,636	15,917
SHB	HOSE	16.9	-24.9%	8,241,200	6.4	1.3	302,100	200	2,635	13,323
SSB	HOSE	37.8	-11.0%	2,131,300	18.7	3.0	16,200	-	2,015	12,623
STB	HOSE	27.6	-14.2%	12,024,300	14.8	1.5	2,772,100	430,000	1,856	18,174
TCB	HOSE	43.1	-15.4%	7,909,800	8.4	1.6	-	-	5,144	26,505
TPB	HOSE	35.5	-17.1%	3,759,500	8.1	2.2	218,000	42,400	4,404	16,429
VCB	HOSE	78.4	-0.8%	904,600	13.3	2.6	324,300	495,800	5,907	29,974
VIB	HOSE	41.4	-13.3%	659,100	8.7	2.6	100	17,000	4,727	15,640
VPB	HOSE	35.2	-2.2%	21,334,600	8.7	1.8	-	-	4,037	19,408
BAB	HNX	19.8	-13.2%	32,500	19.4	1.6	-	-	1,018	12,018
NVB	HNX	39.7	50.4%	590,000	-	3.8	400	-	3	10,482
VBB	UPCOM	14.0	-26.7%	26,600	12.5	1.2	-	-	1,119	12,017
VAB	UPCOM	11.7	-20.9%	491,200	7.9	0.8	-	300	1,477	14,341
SGB	UPCOM	16.1	-13.4%	40,800	-	1.3	-	-	398	12,042
PGB	UPCOM	30.7	-8.6%	57,000	35.0	2.2	-	-	878	13,940
NAB	UPCOM	17.6	-11.1%	317,900	-	-	-	-	3,124	15,630
KLB	UPCOM	34.0	33.3%	8,500	14.4	2.6	-	-	2,356	12,945
BVB	UPCOM	16.2	-29.6%	1,132,800	23.1	1.3	-	-	700	12,637
ABB	UPCOM	13.1	-20.1%	2,582,000	4.8	0.6	-	-	2,731	20,530
				103,294,300	12.92	1.83	5,341,400	2,233,400	2,668	16,022



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	PRC	HNX	25/04/2022	26/04/2022	18/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	TB8	UPCoM	22/04/2022	25/04/2022	10/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	BTU	UPCoM	20/04/2022	21/04/2022	4/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	PMT	UPCoM	19/04/2022	20/04/2022	6/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 567 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	REE	HOSE	19/04/2022	20/04/2022	29/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	KDC	HOSE	19/04/2022	20/04/2022	10/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	DM7	UPCoM	18/04/2022	19/04/2022	27/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	NHH	HOSE	14/04/2022	15/04/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
9	HJS	HNX	14/04/2022	15/04/2022	27/04/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	SHS	HNX	14/04/2022	15/04/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 12,000 đồng/CP	Phát hành thêm
11	DTV	UPCoM	14/04/2022	15/04/2022	27/04/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	GTH	UPCoM	13/04/2022	14/04/2022	10/5/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	TVB	HOSE	13/04/2022	14/04/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
14	ACG	UPCoM	13/04/2022	14/04/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	MSN	HOSE	12/4/2022	13/04/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	Thưởng cổ phiếu
16	DC1	UPCoM	12/4/2022	13/04/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:3	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	CAT	UPCoM	8/4/2022	12/4/2022	28/04/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	SDT	HNX	8/4/2022	12/4/2022	29/12/2022	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	NSL	UPCoM	8/4/2022	12/4/2022	27/04/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	BWA	UPCoM	6/4/2022	7/4/2022	12/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	MCC	HNX	5/4/2022	6/4/2022	22/04/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	AMV	HNX	5/4/2022	6/4/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1000:439, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
23	LPB	HOSE	5/4/2022	6/4/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:21.395, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
24	QST	HNX	5/4/2022	6/4/2022	15/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	DBC	HOSE	5/4/2022	6/4/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Thưởng cổ phiếu
26	NTH	HNX	5/4/2022	6/4/2022	22/04/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	CCM	UPCoM	4/4/2022	5/4/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	NT2	HOSE	4/4/2022	5/4/2022	18/04/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931